

Số: 140/BC-HĐND

Cà Mau, ngày 13 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các văn bản trình Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XI. Ngày 11/5/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Kết quả thẩm tra, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện nay, chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được HĐND tỉnh thống nhất thực hiện theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Cà Mau¹, cho đến khi có văn bản thay thế tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2025 của HĐND tỉnh về việc áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Ngày 06/10/2025, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, có quy định “*Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026*”.

Để công tác ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được chặt chẽ, thuận tiện, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh Cà Mau ***là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.***

¹ Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- *Về đối tượng áp dụng:* Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác; cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- *Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra:* Quy định nội dung và mức hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

+ Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án.

+ Hỗ trợ khuyến nông, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: (1) Xây dựng mô hình khuyến nông: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống; hỗ trợ 50% chi phí mua thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng; hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh. Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (2) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông, chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học

theo quy định hiện hành; (3) Hỗ trợ đào tạo nghề 02 triệu đồng/người/khóa học, thời gian học dưới 03 tháng; (4) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã: Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; đối với thiết kế mới, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mẫu bao bì, nhãn mác và không quá 03 mẫu; hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã khó khăn; hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khác; (5) Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau

- Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã thảo luận, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ thêm một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, như sau:

+ Về hồ sơ trình: Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Về tờ trình: Tại khoản 2 Mục I Tờ trình, cơ quan trình cho rằng qua quá trình thực hiện, các quy định tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tại nội dung dự thảo Nghị quyết kế thừa hoàn toàn nội dung và mức chi như Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND. Đề nghị cơ quan trình thông tin thêm về vấn đề này.

+ Về dự thảo Nghị quyết

(1) Phần căn cứ, đề nghị rà soát, thực hiện đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP “*Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản*”. Theo đó, đề nghị không căn cứ *Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*.

(2) Về mức hỗ trợ: Cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND, được ban hành hơn 07 năm còn phù hợp với tình hình thực tế. Một số mức chi được đề xuất thấp hơn mức chi do HĐND tỉnh Bạc Liêu trước sáp nhập ban hành. Đề nghị nâng mức hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế, nhằm thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Tại khoản 1 Điều 5: Đề nghị quy định “*Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026*”.

- Ngoài ra, đại biểu còn có một số góp ý về cách trình bày thể thức, câu từ, nhằm hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

- *Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường*

+ Về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua: Trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trước sắp xếp chưa thực hiện hỗ trợ; trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đang thực hiện hỗ trợ 04 dự án, trong đó, 02 dự án nuôi tôm, 01 dự án trồng bông và 01 dự án trồng lúa. Các dự án thực hiện cơ bản ổn định. Tuy nhiên, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng báo cáo, kèm hồ sơ.

+ Về mức hỗ trợ, cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ theo mức tối đa được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, không thể quy định mức hỗ trợ cao hơn. Việc HĐND tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định hỗ trợ cao hơn là chưa hợp với quy định.

+ Các ý kiến còn lại của đại biểu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp khi đảm bảo điều kiện.

- Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp hiến*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) *Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành².

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính.

5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ Nguồn kinh phí thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

² Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

bào dân tộc thiểu số và từ các chương trình, dự án hợp pháp khác và nguồn vốn đối ứng của tỉnh. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

a) *Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày*: Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) *Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết*

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh³, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp⁴.

7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với những ý kiến đóng góp của đại biểu và cho rằng dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương ***là cần thiết và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh***⁵, nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương và thực hiện Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, có quy định “***Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026***”, tạo sự thống nhất quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành.

³ Tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đăng ký xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 292/TTr-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh; (2) Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh; (3) bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (4) bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo số 420/BC-STP ngày 06/4/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết; (6) Báo cáo số 492/BC-SNNMT ngày 09/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết; (7) một số văn bản có liên quan.

⁵ Theo quy định khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định: “***Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn***”.

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nội dung, mức chi hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện và điều kiện chuyển tiếp rõ ràng, dễ thực hiện (*thay thế Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh*).

Nội dung dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa các nội dung và mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, được cơ quan soạn thảo xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung và mức chi của Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Cà Mau ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau (trước sắp xếp), được xây dựng trên cơ sở báo cáo về các nội dung và mức chi hỗ trợ trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, ***đến nay vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương***.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ khuyến nông, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

- + Xây dựng mô hình khuyến nông: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống; hỗ trợ 50% chi phí mua thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng; hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh. Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- + Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông, chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học theo quy định hiện hành;

- + Hỗ trợ đào tạo nghề 02 triệu đồng/người/khóa học, thời gian học dưới 03 tháng;

- + Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã: Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; đối với thiết kế mới, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mẫu bao bì, nhãn mác và không quá 03 mẫu; hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các vật

tư thiết yếu ở địa bàn xã khó khăn; hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khác;

+ Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án.

- Đối với dự án/kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền; nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế địa phương; quy trình xây dựng và hồ sơ đầy đủ, đủ điều kiện để trình kỳ họp HĐND tỉnh. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Vũ Hồng Như Yến